

Số: 175/2023/QĐST-HNGĐ

Văn Giang, ngày 06 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 136/2023/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn H, SN: 1972

HKTT/ chỗ ở: thôn KT, PC, VG, HY

Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc H1, SN: 1980

HKTT: thôn KT, PC, VG, HY

Chỗ ở: số nhà 5, ngõ 357 chợ VG, thị trấn VG, VG, HY.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Trương Trung H2, sinh ngày 26/9/2006.

HKTT: thôn KT, PC, VG, HY

Chỗ ở: số nhà 5, ngõ 357 chợ VG, thị trấn VG, VG, HY.

Người đại diện hợp pháp của cháu Trương Trung H2 là mẹ đẻ cháu: Bà Nguyễn Ngọc H1.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28/11/2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28/11/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trương Văn H và bà Nguyễn Ngọc H1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Văn H và bà Nguyễn Ngọc H1 đều tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông H và bà H1 cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Ngọc H3, sinh ngày 06/01/2000 và cháu Trương Trung H2, sinh ngày 26/9/2006. Cháu H3 đã thành niên, mạnh khỏe nên vợ chồng không có nghĩa vụ nuôi dưỡng.

Ly hôn, ông H và bà H1 thoả thuận thống nhất: Bà H1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trương Trung H2 đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi, ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà H1, mức cấp dưỡng 5.000.000đồng/ tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2023 cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, ông H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây cản trở, gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con của cha mẹ đang trực tiếp nuôi thì người đó có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên gây ảnh hưởng.

Kể từ ngày bà H1 có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu ông H không thi hành đúng nghĩa vụ cấp dưỡng theo quyết định này thì phải chịu lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về tài sản chung: Ông H và bà H1 cùng xác nhận vợ chồng có các tài sản chung gồm: thửa đất số 189, tờ bản đồ số 3 có địa chỉ tại số nhà 5, ngõ 357 chợ sáng VG, thị trấn VG, huyện VG, tỉnh HY, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 và 01 chiếc xe ô tô hiệu Kia, BKS 30A-56033. Ly hôn ông H và bà H1 đã tự thoả thuận thống nhất được việc phân chia tài sản chung như sau: Bà H1 và cháu H3, cháu H2 được quyền sử dụng nhà đất nêu trên, kể từ thời điểm ly hôn, ông H không có quyền gì đối với nhà đất này nữa; Ông H được toàn quyền sử dụng chiếc xe ô tô nêu trên, kể từ thời điểm ly hôn, bà H1 không có quyền gì đối với chiếc xe này nữa.

Vì vậy ông H và bà H1 cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

-Về công sức, nợ chung, đất nông nghiệp: Ông H và bà H1 cùng xác nhận không có gì chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí: Hai bên thỏa thuận thống nhất để ông Trương Văn H chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, đối trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số 0010972 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, ông H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Vũ Thu Giang